|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BỘ TIÊU CHÍ**

**Đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ……/QĐ-BTP*

*ngày ….. tháng ….năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Bộ tiêu chí này quy định về các tiêu chí, phương pháp và quy trình đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án (sau đây gọi chung là Bộ tiêu chí).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Bộ tiêu chí này áp dụng đối với Sở Tư pháp trong việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước ở địa phương.

**Điều 3. Nguyên tắc tự đánh giá, chấm điểm và đánh giá, xếp loại**

1. Tuân thủ quy trình thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm và đánh giá, xếp loại theo quy định của Bộ tiêu chí này.

2. Phản ánh trung thực, chính xác, khách quan, toàn diện hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

3. Bảo đảm sự phù hợp của các phương pháp, công cụ đánh giá đối với đối tượng, phạm vi, nội dung đánh giá.

4. Bảo đảm sự rõ ràng, đầy đủ và thống nhất của thông tin thu nhận được từ hoạt động đánh giá, chấm điểm.

**Chương II**

**NỘI DUNG BỘ TIÊU CHÍ**

**Điều 4. Thành phần Bộ tiêu chí**

1. Nhóm tiêu chí đánh giá về tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (tối đa 50 điểm).

2. Nhóm tiêu chí đánh giá về tổ chức các hoạt động phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (tối đa 15 điểm).

3. Nhóm tiêu chí đánh giá về hoạt động giải quyết bồi thường theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường với vai trò đại diện cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương (tối đa 15 điểm).

4. Nhóm tiêu chí đánh giá của cá nhân, tổ chức, cơ quan khác về hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường (tối đa 10 điểm).

5. Nhóm tiêu chí đánh giá về các điều kiện bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (tối đa 10 điểm).

**Điều 5. Nhóm tiêu chí đánh giá về tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (tối đa 50 điểm)**

1. Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường (06 điểm)

a) Nội dung hướng dẫn nghiệp vụ

- Hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện đúng nội dung, đúng quy định theo yêu cầu của cơ quan đề nghị hướng dẫn: 02 điểm.

- Hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện đúng một phần nội dung theo yêu cầu của cơ quan đề nghị hướng dẫn: 01 điểm.

- Hướng dẫn nghiệp vụ không thực hiện đúng nội dung theo yêu cầu của cơ quan đề nghị hướng dẫn: 0 điểm.

b) Thời gian thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ

- Hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hướng dẫn (đối với vụ việc phức tạp thời hạn là 08 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hướng dẫn): 02 điểm.

- Hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện trong thời hạn từ 06 ngày đến dưới 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hướng dẫn (đối với vụ việc phức tạp thời hạn từ 09 ngày đến dưới 16 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hướng dẫn): 01 điểm.

- Hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện trong thời hạn từ 10 ngày trở lên (đối với vụ việc phức tạp thời hạn từ 16 ngày trở lên) hoặc không có văn bản hướng dẫn: 0 điểm.

c) Hiệu quả áp dụng văn bản hướng dẫn nghiệp vụ

- Nội dung hướng dẫn nghiệp vụ được cơ quan đề nghị hướng dẫn áp dụng từ trên 80% trở lên: 02 điểm.

- Nội dung hướng dẫn nghiệp vụ được cơ quan đề nghị hướng dẫn áp dụng từ 50% đến dưới 80%: 01 điểm.

- Nội dung hướng dẫn nghiệp vụ được cơ quan đề nghị hướng dẫn áp dụng dưới 50% hoặc không sử dụng: 0 điểm.

2. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (06 điểm)

a) Thời gian xác định cơ quan giải quyết bồi thường

a1) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

- Xác định cơ quan giải quyết bồi thường được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị từ người yêu cầu bồi thường: 01 điểm.

- Xác định cơ quan giải quyết bồi thường được thực hiện trong thời hạn từ 15 ngày trở lên kể từ ngày nhận được đề nghị từ người yêu cầu bồi thường: 0 điểm.

a2) Xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm c, d khoản 1, khoản 2 và khoản 3 điều 40 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

- Xác định cơ quan giải quyết bồi thường được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị từ người yêu cầu bồi thường: 01 điểm.

- Xác định cơ quan giải quyết bồi thường được thực hiện trong thời hạn từ 05 ngày làm việc trở lên kể từ ngày nhận được đề nghị từ người yêu cầu bồi thường: 0 điểm.

b) Trình tự, thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 40 Luật TNBTCNN

b1) Tổ chức cuộc họp để trao đổi về việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường

- Có tổ chức cuộc họp để trao đổi về việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: 01 điểm.

- Không tổ chức cuộc họp để trao đổi về việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn từ trên 05 ngày làm việc trở lên: 0 điểm.

b2) Ban hành văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường

- Có ban hành văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường: 01 điểm.

- Không ban hành văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường: 0 điểm.

b3) Thông báo việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường

- Thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu bồi thường về việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường: 01 điểm.

- Thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu bồi thường về việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường sau 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường: 0 điểm.

c) Hiệu quả trong việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường

- Cơ quan giải quyết bồi thường thụ lý yêu cầu bồi thường trên cơ sở văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường: 01 điểm.

- Cơ quan giải quyết bồi thường không thụ lý yêu cầu bồi thường trên cơ sở văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường do không xác định đúng cơ quan giải quyết bồi thường: 0 điểm.

3. Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường (05 điểm)

a) Nội dung hướng dẫn theo yêu cầu của người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường

- Hướng dẫn được thực hiện đúng nội dung, đúng quy định của pháp luật theo yêu cầu của người bị thiệt hại: 03 điểm.

- Hướng dẫn được thực hiện đúng một phần nội dung, đúng một phần quy định của pháp luật theo yêu cầu của người bị thiệt hại: 02 điểm.

- Hướng dẫn được thực hiện không đúng nội dung, không đúng quy định của pháp luật theo yêu cầu của người bị thiệt hại: 0 điểm.

b) Hiệu quả thực hiện văn bản hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường

- Người yêu cầu sử dụng văn bản hướng để thực hiện quyền yêu cầu bồi thường kịp thời, đúng nội dung tại yêu cầu hướng dẫn: 02 điểm.

- Người yêu cầu không sử dụng được văn bản hướng do hết thời hạn thực hiện nội dung tại yêu cầu hướng dẫn: 0 điểm.

4. Theo dõi công tác bồi thường nhà nước (06 điểm)

a) Nội dung theo dõi công tác bồi thường nhà nước

- Theo dõi công tác bồi thường nhà nước được thực hiện đối với 04 nội dung trở lên: 02 điểm.

- Theo dõi công tác bồi thường nhà nước được thực hiện đối với 02 đến 03 nội dung: 01 điểm.

- Theo dõi công tác bồi thường nhà nước được thực hiện đối với 01 nội dung: 0 điểm.

b) Căn cứ thực hiện công tác theo dõi công tác bồi thường nhà nước

- Theo dõi công tác bồi thường nhà nước được thực hiện từ 06 nguồn trở lên: 02 điểm.

- Theo dõi công tác bồi thường nhà nước được thực hiện từ 01 đến 05 nguồn: 01 điểm.

- Theo dõi công tác bồi thường nhà nước không thực hiện: 0 điểm.

c) Hiệu quả của hoạt động theo dõi công tác bồi thường nhà nước

c1) Lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường để báo cáo Bộ Tư pháp

- Lập và gửi danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương: 01 điểm.

- Không lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương: 0 điểm.

c2) Nội dung danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường

- Nội dung danh mục cung cấp đầy đủ, chính xác: 01 điểm.

- Nội dung danh mục cung cấp thiếu hoặc không chính xác: 0 điểm.

5. Đôn đốc công tác bồi thường nhà nước (05 điểm)

a) Căn cứ thực hiện đôn đốc công tác bồi thường nhà nước

- Đôn đốc có một trong các căn cứ thực hiện: 01 điểm.

- Có căn cứ đôn đốc mà không đôn đốc: 0 điểm.

b) Thời gian thực hiện việc đôn đốc công tác bồi thường nhà nước

- Thực hiện đôn đốc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ đôn đốc: 02 điểm.

- Thực hiện đôn đốc trong thời hạn 04 ngày đến 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ đôn đốc: 01 điểm.

- Thực hiện đôn đốc trong thời hạn từ 05 ngày làm việc trở lên kể từ ngày có căn cứ đôn đốc hoặc không đôn đốc: 0 điểm.

c) Hiệu quả của hoạt động đôn đốc công tác bồi thường nhà nước

- Nội dung đôn đốc được cơ quan giải quyết bồi thường thực hiện từ trên 80% đến 100%: 02 điểm.

- Nội dung đôn đốc được cơ quan giải quyết bồi thường thực hiện từ trên 50% đến 80%: 01 điểm.

- Nội dung đôn đốc được cơ quan giải quyết bồi thường thực hiện dưới 50% hoặc không thực hiện do không có căn cứ: 0 điểm.

6. Kiểm tra công tác bồi thường nhà nước (06 điểm)

a) Thông tin, căn cứ phục vụ hoạt động kiểm tra công tác bồi thường nhà nước

a1) Ban hành kế hoạch công tác bồi thường nhà nước

- Có ban hành kế hoạch công tác bồi thường nhà nước: 01 điểm.

- Không ban hành kế hoạch công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

a2) Căn cứ kiểm tra công tác bồi thường nhà nước

- Kiểm tra công tác bồi thường nhà nước có căn cứ để thực hiện: 01 điểm.

- Kiểm tra công tác bồi thường nhà nước không có căn cứ để thực hiện: 0 điểm.

a3) Nội dung kiểm tra công tác bồi thường nhà nước

- Nội dung kiểm tra phù hợp với mục đích, yêu cầu của kế hoạch kiểm tra: 01 điểm.

- Nội dung kiểm tra phù hợp một phần với mục đích, yêu cầu của kế hoạch kiểm tra: 0,5 điểm.

- Nội dung kiểm tra không phù hợp với mục đích, yêu cầu của kế hoạch kiểm tra: 0 điểm.

b) Tổ chức kiểm tra công tác tác bồi thường nhà nước

b1) Nội dung, tiến độ kiểm tra công tác bồi thường nhà nước

- Hoạt động kiểm tra thực hiện theo đúng nội dung, tiến độ trong kế hoạch kiểm tra: 01 điểm.

- Hoạt động kiểm tra không theo đúng tiến độ trong kế hoạch kiểm tra: 0 điểm.

b2) Ban hành kết luận kiểm tra công tác bồi thường nhà nước

- Có ban hành kết luận kiểm tra: 01 điểm.

- Không ban hành kết luận kiểm tra: 0 điểm.

b3) Hiệu quả của các biện pháp xử lý sau kiểm tra công tác bồi thường nhà nước

- Các biện pháp xử lý sau kiểm tra được thực hiện từ 80% đến 100%: 01 điểm.

- Các biện pháp xử lý sau kiểm tra được thực hiện từ 50% đến dưới 80%: 0,5 điểm.

- Các biện pháp sau kiểm tra được thực hiện từ dưới 50%: 0 điểm.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước (04 điểm)

a) Xây dựng quy chế tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước

- Có xây dựng quy chế: 02 điểm.

- Không xây dựng quy chế: 0 điểm.

b) Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước

- Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm kịp thời: 02 điểm.

- Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm chậm so với quy định: 01 điểm.

- Không tiếp nhận, không giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm: 0 điểm.

8. Hiệu quả hoạt động kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong phạm vi do mình quản lý; hiệu quả hoạt độngkiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước mà không ra quyết định hủy (06 điểm)

a) Nội dung kiến nghị, yêu cầu

- Nội dung kiến nghị, yêu cầu phù hợp với thẩm quyền: 03 điểm.

- Nội dung kiến nghị, yêu cầu không phù hợp với thẩm quyền: 0 điểm.

b) Thực hiện kiến nghị, yêu cầu

- Kiến nghị, yêu cầu được thực hiện đúng cơ quan, người có thẩm quyền: 03 điểm.

- Kiến nghị, yêu cầu được thực hiện không đúng cơ quan, người có thẩm quyền: 0 điểm.

9. Thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước (06 điểm)

a) Thời gian gửi báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước

a1) Báo cáo hằng năm về công tác bồi thường nhà nước

- Báo cáo hằng năm về công tác bồi thường nhà nước được gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 08/12 của năm báo cáo: 02 điểm.

- Báo cáo hằng năm về công tác bồi thường nhà nước được gửi về Bộ Tư pháp từ ngày 08/12 đến trước ngày 15/12 của năm báo cáo: 01 điểm.

- Báo cáo hằng năm về công tác bồi thường nhà nước được gửi về Bộ Tư pháp từ sau ngày 15/12 của năm báo cáo: 0 điểm.

a2) Số liệu thống kê năm chính thức

- Số liệu thống kê năm chính thức được gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 31/01 của năm kế tiếp năm báo cáo: 02 điểm.

- Số liệu thống kê năm chính thức được gửi về Bộ Tư pháp từ ngày 31/01 đến ngày 10/02 của năm kế tiếp năm báo cáo: 01 điểm.

- Số liệu thống kê năm chính thức được gửi về Bộ Tư pháp từ sau ngày 10/02 của năm kế tiếp năm báo cáo: 0 điểm.

b) Nội dung báo cáo, thống kê

- Nội dung báo cáo, thống kê được cung cấp đầy đủ, chính xác: 02 điểm.

- Nội dung báo cáo, thống kê được cung cấp chưa đầy đủ, chưa chính xác: 0 điểm.

**Điều 6. Nhóm tiêu chí đánh giá về tổ chức các hoạt động phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (tối đa 15 điểm)**

1. Chủ trì phối hợp liên ngành về công tác bồi thường nhà nước (05 điểm)

 a) Xây dựng Kế hoạch phối hợp liên ngành

- Có ban hành kế hoạch: 03 điểm.

- Không ban hành kế hoạch: 0 điểm.

 b) Thực hiện kế hoạch phối hợp liên ngành công tác bồi thường nhà nước

 - Thực hiện kế hoạch theo đúng nội dung, thời gian: 02 điểm.

 - Thực hiện kế hoạch đúng nội dung nhưng chậm từ 05 ngày đến 15 ngày so với kế hoạch đề ra: 01 điểm.

 - Không thực hiện hoặc thực hiện chậm từ 15 ngày trở lên so với kế hoạch đề ra: 0 điểm.

2. Phối hợp liên ngành giải quyết những vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch (08 điểm)

a) Họp liên ngành

a1) Tổ chức họp liên ngành

- Họp liên ngành được tổ chức kịp thời khi có phát sinh nội dung cần phối hợp liên ngành để giải quyết: 01 điểm.

- Họp liên ngành không được tổ chức kịp thời khi có phát sinh nội dung cần phối hợp liên ngành để giải quyết: 0 điểm.

a2)Nội dung của cuộc họp liên ngành

- Nội dung của cuộc họp liên ngành phù hợp với mục tiêu, yêu cầu và nội dung trong kế hoạch tổ chức cuộc họp liên ngành: 02 điểm.

- Nội dung của cuộc họp liên ngành không phù hợp với mục tiêu, yêu cầu và nội dung trong kế hoạch tổ chức cuộc họp liên ngành: 0 điểm.

 a3) Thành phần tham gia các cuộc họp liên ngành

- Thành phần tham gia cuộc họp liên ngành phù hợp với nội dung của cuộc họp liên ngành: 01 điểm.

- Thành phần tham gia cuộc họp liên ngành không phù hợp với nội dung của cuộc họp liên ngành: 0 điểm.

a4) Ý kiến tại cuộc họp liên ngành

- Trên 50% đại biểu tham dự thống nhất với đề xuất phương án, giải pháp của cơ quan chủ trì cuộc họp: 01 điểm.

- Từ 50% đại biểu trở xuống nhất trí với đề xuất phương án, giải pháp của cơ quan chủ trì cuộc họp: 0 điểm.

b) Trao đổi bằng văn bản

b1) Tính kịp thời

- Việc trao đổi được thực hiện kịp thời: 01 điểm.

- Việc trao đổi được thực hiện không kịp thời theo yêu cầu phối hợp bằng văn bản: 0 điểm.

b2) Tính phù hợp của nội dung trao đổi

- Nội dung đề nghị trao đổi bằng văn bản phù hợp với thẩm quyền của cơ quan được đề nghị phối hợp: 01 điểm.

- Nội dung đề nghị trao đổi bằng văn bản không phù hợp với thẩm quyền của cơ quan đề nghị phối hợp: 0 điểm.

b3) Tính hiệu quả

- Nội dung trao đổi được từ 50% cơ quan phối hợp trở lên nhất trí với phương án của cơ quan đề nghị phối hợp và kết quả nội dung trao đổi bằng văn bản được gửi đến cơ quan phối hợp sau khi cơ quan đề nghị phối hợp đã ban hành văn bản: 01 điểm.

- Nội dung trao đổi được từ dưới 50% cơ quan phối hợp nhất trí với phương án của cơ quan đề nghị phối hợp và kết quả nội dung trao đổi bằng văn bản được gửi đến cơ quan phối hợp sau khi cơ quan đề nghị phối hợp đã ban hành văn bản: 0 điểm.

3. Phối hợp với các cơ quan trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án tại địa phương để tổng hợp danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường, yêu cầu báo cáo về việc giải quyết yêu cầu bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả và xử lý kỷ luật người thi hành công vụ trong trường hợp cần thiết để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (02 điểm)

a) Tham mưu tổng hợp danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường

- Có tổng hợp danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường: 01 điểm.

- Không tổng hợp danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường: 0 điểm.

b) Tham mưu yêu cầu báo cáo và tổng hợp báo cáo

- Có tham mưu việc yêu cầu báo cáo hoặc có tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo: 01 điểm.

- Không tham mưu việc yêu cầu báo cáo hoặc không tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo: 0 điểm

**Điều 7. Nhóm tiêu chí đánh giá về hoạt động giải quyết bồi thường theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường với vai trò đại diện cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương** **(tối đa 15 điểm)**

1. Chủ trì hoạt động giải quyết bồi thường (05 điểm)

a) Thời hạn giải quyết bồi thường

- Thời hạn thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường, cử người giải quyết bồi thường, xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường và ra quyết định giải quyết bồi thường được thực hiện theo đúng thời hạn được quy định trong pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: 02 điểm.

- Thời hạn thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường, cử người giải quyết bồi thường, xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường và ra quyết định giải quyết bồi thường được thực hiện không theo đúng thời hạn được quy định trong pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: 0 điểm.

b) Trình tự thủ tục yêu cầu bồi thường

- Trình tự, thủ tục thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường, cử người giải quyết bồi thường, xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường và ra quyết định giải quyết bồi thường được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: 03 điểm.

- Trình tự, thủ tục thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường, cử người giải quyết bồi thường, xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường và ra quyết định giải quyết bồi thường được thực hiện không đúng theo đúng quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: 0 điểm.

2. Tham gia giải quyết bồi thường (10 điểm)

a) Tham gia xác minh thiệt hại trong trường hợp vụ việc phức tạp

 a1) Cử người tham gia xác minh thiệt hại

 - Có cử người tham gia giải quyết bồi thường trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường: 02 điểm.

- Cử người tham gia giải quyết bồi thường trong thời hạn từ trên 02 ngày làm việc trở lên kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc không cử: 0 điểm.

 a2) Tham gia các cuộc họp, buổi xác minh

- Người được cử tham gia xác minh thiệt hại tham gia 100% các cuộc họp, buổi xác minh cùng cơ quan giải quyết bồi thường: 02 điểm.

- Người được cử tham gia xác minh thiệt hại không tham gia hoặc tham gia dưới 100% các cuộc họp, buổi xác minh cùng cơ quan giải quyết bồi thường: 0 điểm.

a3) Ý kiến tại cuộc họp, buổi xác minh thiệt hại

- Có đưa ra ý kiến tại các buổi xác minh thiệt hại: 02 điểm.

- Không đưa ra ý kiến tại các buổi xác minh thiệt hại: 0 điểm.

b) Tham gia thương lượng việc bồi thường

b1) Tham gia buổi thương lượng việc bồi thường

- Tham gia 100% các buổi thương lượng việc bồi thường: 02 điểm.

- Tham gia từ dưới 100% các buổi thương lượng việc bồi thường hoặc không tham gia: 0 điểm.

b2) Ý kiến tại các buổi thương lượng việc bồi thường

- Có đưa ra ý kiến tại các buổi thương lượng việc bồi thường: 02 điểm.

- Không đưa ra ý kiến tại các buổi thương lượng việc bồi thường: 0 điểm.

**Điều 8. Nhóm tiêu chí về đánh giá của cá nhân, tổ chức về hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường (tối đa 10 điểm)**

1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (02 điểm)

a) Hình thức tuyên truyền, phổ biến

- Có từ 03 hình thức tuyên truyền, phổ biến trở lên: 01 điểm.

- Có từ 01 đến 03 hình thức tuyên truyền, phổ biến trở lên: 0,5 điểm.

- Không tuyên truyền, phổ biến: 0 điểm.

b) Nội dung tuyên truyền, phổ biến

- Nội dung tuyên truyền, phổ biến phù hợp với đối tượng, nội dung tuyên truyền phổ biến: 01 điểm.

- Nội dung tuyên truyền, phổ biến phù hợp một phần với đối tượng, nội dung tuyên truyền phổ biến: 0,5 điểm.

- Nội dung tuyên truyền, phổ biến không phù hợp với đối tượng, nội dung tuyên truyền phổ biến: 0 điểm.

2. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (1,5 điểm)

a) Gửi văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường

- Người bị thiệt hại nhận được văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường: 0,5 điểm.

- Người bị thiệt hại không nhận được văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn từ trên 05 ngày làm việc trở lên kể từ ngày có văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường: 0 điểm.

b) Thụ lý, giải quyết yêu cầu bồi thường

- Cơ quan giải quyết bồi thường được xác định trong văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường thụ lý, giải quyết yêu cầu bồi thường: 01 điểm.

- Cơ quan giải quyết bồi thường không được xác định trong văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường thụ lý, giải quyết yêu cầu bồi thường: 0 điểm.

3. Các điều kiện bảo đảm công tác hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường (02 điểm)

a) Địa điểm tiếp công dân và lịch phân công tiếp công dân

a1) Bố trí địa điểm tiếp công dân

- Có bố trí địa điểm và các phương tiện phục vụ cho việc tiếp công dân: 0,5 điểm.

- Không bố trí địa điểm và các phương tiện phục vụ cho việc tiếp công dân: 0 điểm.

a2) Lịch phân công tiếp công dân

- Có xây dựng lịch phân công thực hiện việc tiếp công dân: 0,5 điểm.

- Không xây dựng lịch phân công thực hiện việc tiếp công dân: 0 điểm

b) Thời gian thực hiện việc hướng dẫn

- Người bị thiệt hại được hướng dẫn kịp thời: 0,5 điểm.

- Người bị thiệt hại không được hướng dẫn kịp thời: 0 điểm.

c) Nội dung hướng dẫn đáp ứng yêu cầu hướng dẫn

- Văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước đáp ứng đủ nội dung yêu cầu hướng dẫn của người bị thiệt hại: 0,5 điểm.

- Văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước không đáp ứng đủ nội dung yêu cầu hướng dẫn của người bị thiệt hại: 0 điểm.

4. Theo dõi công tác bồi thường nhà nước khi có yêu cầu, đề nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân (0,5 điểm)

- Cơ quan nhà nước kịp thời nắm bắt về tình hình yêu cầu bồi thường phát sinh trong thực tiễn: 0,5 điểm.

- Cơ quan nhà nước kịp thời nắm bắt về tình hình yêu cầu bồi thường phát sinh trong thực tiễn: 0 điểm.

5. Đôn đốc công tác bồi thường nhà nước khi có yêu cầu, đề nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân (0,5 điểm)

- Trên cơ sở kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thực hiện việc đôn đốc công tác bồi thường nhà nước: 0,5 điểm.

- Trên cơ sở kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thực hiện việc đôn đốc công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

6. Kiểm tra công tác bồi thường nhà nước khi có yêu cầu, đề nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân (0,5 điểm)

- Trên cơ sở kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo có cơ sở của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thực hiện việc kiểm tra công tác bồi thường nhà nước: 0,5 điểm.

- Trên cơ sở kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo có cơ sở của cá nhân, tổ chức mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thực hiện việc kiểm tra công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

7. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường (0,5 điểm)

- Cơ quan được cá nhân, tổ chức đề nghị có thực hiện việc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường: 0,5 điểm.

- Cơ quan được cá nhân, tổ chức đề nghị không thực hiện việc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường: 0 điểm.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bồi thường nhà nước (0,5 điểm)

- Không phát sinh khiếu nại, tố cáo về công tác bồi thường nhà nước: 0,5 điểm.

- Có phát sinh khiếu nại, tố cáo về công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

9. Giải quyết bồi thường và chi trả tiền bồi thường (02 điểm)

a) Tính kịp thời trong việc giải quyết bồi thường

- Trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết bồi thường được thực hiện theo đúng quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: 01 điểm.

- Trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết bồi thường không được thực hiện theo đúng quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: 0 điểm.

b) Tính kịp thời trong việc chi trả tiền bồi thường

- Việc chi trả tiền bồi thường được thực hiện trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày người yêu cầu bồi thường nhận được thông báo về việc chi trả tiền bồi thường: 01 điểm.

- Việc chi trả tiền bồi thường được thực hiện trong thời hạn từ 03 ngày làm việc đến dưới 10 ngày kể từ ngày người yêu cầu bồi thường nhận được thông báo về việc chi trả tiền bồi thường: 0,5 điểm.

- Việc chi trả tiền bồi thường được thực hiện trong thời hạn từ trên 10 ngày kể từ ngày người yêu cầu bồi thường nhận được thông báo về việc chi trả tiền bồi thường: 0 điểm.

**Điều 9. Nhóm tiêu chí về điều kiện bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (tối đa 10 điểm)**

1. Ban hành và thực hiện kế hoạch có nội dung về công tác bồi thường nhà nước (04 điểm)

a) Tính kịp thời trong việc ban hành kế hoạch về công tác bồi thường nhà nước

- Ban hành kế hoạch đúng thời hạn theo chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền: 02 điểm.

- Ban hành kế hoạch chậm so với thời hạn theo chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền hoặc không ban hành kế hoạch: 0 điểm.

b) Tính đầy đủ trong việc thực hiện kế hoạch so với yêu cầu đã đề ra trong kế hoạch

- Thực hiện được trên 80% nội dung của Kế hoạch: 02 điểm.

- Thực hiện được từ 50% đến 80% nội dung của Kế hoạch: 01 điểm.

- Thực hiện được dưới 50% nội dung của Kế hoạch: 0 điểm.

2. Các điều kiện bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (06 điểm)

a) Biên chế thực hiện công tác bồi thường nhà nước

a1) Bố trí công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước

- Bố trí công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 01 điểm.

- Không bố trí công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

a2) Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ giải quyết yêu cầu bồi thường cho đội ngũ công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước

- Cử công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác bồi thường nhà nước: 02 điểm.

- Cử công chức không thực hiện công tác bồi thường nhà nước tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác bồi thường nhà nước: 01 điểm.

- Không cử công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

b) Cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm cho việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước

- Cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm đầy đủ để thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 01 điểm.

- Cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm một phần để thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 0,5 điểm.

- Cơ sở vật chất, phương tiện không bảo đảm để thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

c) Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện công tác bồi thường nhà nước

- Kinh phí bảo đảm đầy đủ để thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 02 điểm.

- Kinh phí bảo đảm một phần để thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 01 điểm.

- Kinh phí không bảo đảm để thực hiện công tác bồi thường nhà nước: 0 điểm.

**Chương III**

**PHƯƠNG PHÁP, QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM**

**Điều 10. Phương pháp đánh giá**

1. Tùy từng đối tượng và nội dung đánh giá để sử dụng phương pháp định tính, định lượng cho phù hợp.

2. Các phương pháp đánh giá gồm:

a) Tiếp xúc trực tiếp, phỏng vấn, nghe ý kiến phản hồi của cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước và của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp;

b) Thảo luận, phân tích số liệu thu thập được.

**Điều 11. Quy trình, cách thức đánh giá, chấm điểm**

1. Việc đánh giá, chấm điểm và xếp loại hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước được thực hiện hằng năm. Thời điểm lấy thông tin, số liệu để thực hiện việc đánh giá, chấm điểm được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm đánh giá.

2. Hằng năm, Sở Tư pháp căn cứ vào bộ công cụ đánh giá thực hiện việc thu thập tài liệu, chứng cứ phục vụ cho việc tự đánh giá, chấm điểm hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 9 của Bộ tiêu chí này. Trường hợp được cấp kinh phí hoặc có sự hỗ trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, Sở Tư pháp thực hiện việc khảo sát, đánh giá của các cá nhân, tổ chức đối với hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quy định tại Điều 8 của Bộ tiêu chí này. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công tác bồi thường nhà nước và kết quả khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của cá nhân, tổ chức (nếu có), Sở Tư pháp thực hiện việc tự đánh giá chấm điểm.

Kết quả tự đánh giá, chấm điểm và báo cáo về việc thực hiện tự đánh giá, chấm điểm gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 31/01 của năm kế tiếp năm tự đánh giá để tổng hợp, đối chiếu, đánh giá và xếp loại. Kèm theo kết quả tự đánh giá, chấm điểm phải có các tài liệu kiểm chứng.

3. Bộ Tư pháp trên cơ sở đối chiếu kết quả theo dõi, kiểm tra, khảo sát, tọa đàm và các nguồn thông tin hợp pháp khác thực hiện việc so sánh, đối chiếu với kết quả và báo cáo thực hiện tự đánh giá, chấm điểm do Sở Tư pháp gửi.

**Điều 12. Tổng điểm đánh giá và xếp loại**

1. Tổng điểm đánh giá là trung bình cộng của điểm tự đánh giá từ Điều 5 đến Điều 9 Bộ tiêu chí này. Điểm tự đánh giá, chấm điểm của Sở Tư pháp được tính hệ số 1. Điểm do Bộ Tư pháp đánh giá được tính hệ số 1. Tổng điểm làm căn cứ để Bộ Tư pháp xếp loại hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước được tính theo công thức:

Điểm đạt được = (Điểm số tự chấm của Sở Tư pháp + Điểm số do Bộ Tư pháp chấm)/2.

2. Việc xếp loại được thực hiện căn cứ vào điểm đạt được quy định tại khoản 1 Điều này. Tổng số điểm đạt được và mức xếp loại như sau:

a) Tổng số điểm đạt được từ 85 điểm trở lên: Xếp loại A;

b) Tổng số điểm đạt được từ 70 điểm đến dưới 85 điểm: Xếp loại B;

c) Tổng số điểm đạt được từ 50 điểm đến dưới 70 điểm: Xếp loại C;

d) Tổng số điểm đạt được từ dưới 50 điểm: Xếp loại D.

3. Kết quả xếp loại Sở Tư pháp trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước được Bộ Tư pháp công bố trước ngày 30/4 của năm liền sau năm đánh giá và thông tin đến cơ quan được xếp loại.

**Chương IV**

**THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ**

**Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Hằng năm, Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện Bộ tiêu chí này trong phạm vi do mình quản lý, đề xuất bố trí kinh phí để thực hiện.

2. Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hỗ trợ kinh phí thực hiện khảo sát, đánh giá hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương.

3. Ban hành kèm theo Bộ tiêu chí này: Bảng chấm điểm tự đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (Phụ lục I); Mẫu báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, chấm điểm và xếp loại (Phụ lục II).

**Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí**

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Sở Tư pháp phản ánh về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí./.